BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 9 năm 2026

Tổng số học sinh: 68

Điểm trường chính

Bữa sáng: 68 học sinh **Định mức: 10.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Mì tôm kokomi 75g	Gói	68	5.000	340.000
2	Trứng gà trắng	Quả	68	3.800	258.400
3	Bắp cải	Kg	6,8	12.000	81.600
	Tổng cộng				**680.000**

Bữa trưa: 68 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt lợn mông	Kg	6	130.000	780.000
2	Hành tây	Kg	2	19.000	38.000
3	Trứng gà trắng	Qủa	70	3.800	266.000
4	Hành lá	Kg	0,2	30.000	6.000
5	Su su	Kg	8,5	12.000	102.000
6	Cải thảo	Kg	2	16.000	32.000
7	Gia vị				68.000
8	Gạo tẻ	Kg	20,4		
	Tổng cộng				**1.292.000**

Bữa chiều: 68 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt gà trắng bỏ cổ	Kg	6	105.000	630.000
2	Bí xanh	Kg	5	18.000	90.000
3	Gừng	Kg	0,2	30.000	6.000
4	Thịt lợn vai	Kg	3,6	130.000	468.000
5	Bắp cải	Kg	2,5	12.000	30.000
6	Gia vị				68.000
7	Gạo tẻ	kg	20,4		
	Tổng cộng				**1.292.000**

UBND XÃ THƯỢNG HÀ TRƯỜNG PHÒNG GIÁO DỤC THCS THƯỢNG HÀ

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Kiên

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Quynh

Scanned with CamScanner